

Bản án số: 739/2019/DS-PT
Ngày: 22/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.
Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh;
Bà Phan Thị Út.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 535/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 347/2018/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3460/2019/QĐPT-DS ngày 01/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Tổng Trường L** – sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 1009G (lầu 2) H, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Bích T** - sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Lô I-IV đường số 11, nhóm CN11, Khu công nghiệp B, phường S, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tường V – sinh năm 1992 (vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 001685 quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/4/2017 tại Văn phòng Công chứng Tô Khắc Việt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Trần Quang M** – sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 86/5 P, Phường 17, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Trần Văn Đ** – sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27 khu phố 4 N, phường Q, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Bùi Hữu Q** – sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 58/31 C, Phường 6, Thành phố O, tỉnh Y.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông **Tổng Trường L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2017 của nguyên đơn ông Tổng Trường L và trong quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày:***

Vào khoảng tháng 6/2016, ông L có chuyển khoản thông qua ngân hàng Vietcombank số tài khoản 0071002071953 cho bà Nguyễn Thị Bích T với tổng số tiền là 200.770.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng giữa hai bên là 20%/năm, mục đích vay là để bà T đầu tư kinh doanh M5 và bà T sẽ lấy lãi từ M5 để trả cho ông L, bản thân ông không biết gì về M5. Việc thỏa thuận này giữa hai bên không có lập hợp đồng vay hay ghi nhận bằng một văn bản nào cả.

Do thời gian đã qua lâu, đến nay bà T vẫn không thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho ông L kể từ lúc vay nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T thanh toán cho ông số tiền gốc là 200.770.000 đồng, lãi suất là 20%/năm tính từ ngày bà T mượn tiền cho đến ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật theo phương thức thanh toán bằng tiền mặt, thời hạn thanh toán là một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, tạm tính lãi suất đến thời điểm khởi kiện là 20.000.000 đồng, tổng số tiền ông yêu cầu bà T trả là 220.770.000 đồng. Ngoài ra yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T phải trả thêm tiền lãi là 120.462.000 đồng.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:***

Việc ông Tổng Trường L yêu cầu bà thanh toán tổng số tiền 220.770.000 đồng (trong đó, số nợ gốc là 200.770.000 đồng, lãi suất là 20.000.000 đồng) cho ông L, bà không đồng ý. Lý do là bà không có bất kỳ quan hệ vay nào với ông L. Bà cho rằng số tiền 200.770.000 đồng mà ông L đã chuyển vào tài khoản cho bà thông qua Ngân hàng Vietcombank là số tiền mà ông L nhờ bà chuyển giùm ông sang các tài khoản ông L mượn tài khoản của người khác để chơi M5 theo yêu cầu của ông L (mượn tài khoản của anh Đ, Anh Q, anh G để chơi).

Nay trước yêu cầu của ông L buộc bà thanh toán tổng số tiền 220.770.000 đồng bà không đồng ý, vì bản chất của quan hệ giữa bà với ông L không phải là quan hệ vay với mục đích đầu tư kinh doanh, mà chỉ là ông L nhờ bà chuyển dùm vào các tài khoản mà ông L mượn của người khác để chơi M5, bà đã chuyển dùm vào các tài khoản M5 ông L yêu cầu (có chứng cứ Sao kê chi tiết chuyển tiền).

Ông L là người quyết định chơi và nhờ bà mượn tài khoản khác để chơi bà không có liên quan, bà chỉ là người chuyển tiền theo yêu cầu của ông L mà ông L nhờ bà, ngoài việc thông qua bà, ông L còn tự chơi M5, Tòa có thể yêu cầu ông L sao kê chi tiết giao dịch của ông L để chứng minh. Bà cung cấp Sao kê từ ngày 11/6/2016 đến 28/8/2016 để chứng minh ông L có chơi M5 và đã được nhận tiền do chơi M5. Ngoài ra bà cung cấp Bản sao Sao kê tài khoản của ông Trần Quang M (từ ngày 11/06/2016 đến ngày 14/06/2016), số tài khoản 0071000782576 do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương cung cấp ngày 18/4/2017 ông L nhờ bà chuyển tiền chơi M5 dùm, do có một lần do bận việc nên bà có nhờ ông Trần Quang M chuyển cho ông L.

Tuy nhiên bà T không chứng minh được mạng chuyển tiền M5 tồn tại vì trang web Vphp.biz hiện nay đã bị khóa, không còn lưu giữ bất cứ thông tin gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang M trình bày:** Tôi quen biết chị T trong nhóm M5 trong group M5 có những người chơi M5. Tôi cũng có biết anh Tổng Trường L có chơi M5 chung trong group M5. Tôi có chuyển giùm cho chị Nguyễn Thị Bích T tiền chơi M5 thông qua hai tài khoản QuangSg4 và QuangSg5 bằng số tài khoản Vietcombank số 0071000782576 ngày 12/6/2016 với tổng số tiền 10.230.000 đồng. Do chị T bận việc nên nhờ tôi chuyển giùm. Tôi không biết số điện thoại của ông L, chỉ biết ông L trong group M5, tôi cũng tham gia chơi M5 trong group đó.

*** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/4/2017 các nhân chứng trình bày:**

- Người làm chứng ông Bùi Hữu Q trình bày: Ông L trình bày việc ông và ông L không quen biết nhau là không đúng vì giữa chúng tôi đã từng trao đổi qua điện thoại với nhau. Ông L mượn các tài khoản để chơi M5 gồm: Quangsg, Quangsg1, Quangsg2, Quangsg3, Quangsg4, Quangsg5. Tôi vẫn còn lưu lại tin nhắn SMS ông L đã từng gửi tin nhắn cho tôi ngày 06/7/2016 giữa số điện thoại 0907275818 và số điện thoại của tôi là 0913490279.

- Người làm chứng ông Trần Văn Đ trình bày: Ông L thông qua chị T mượn tài khoản của tôi và tôi biết ông L trên nhóm Zalo.

*** Tại bản án số 347/2018/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:**

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 229; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 121; Điều 122; Điều 123; Điều 280, Điều 281, Điều 282; Điều 388; Điều 389; Điều 390; Điều 396; Điều 401; Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405 Bộ Luật Dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 275; Điều 351; Điều 385; Điều 386; Điều 388; Điều 393; Điều 394; Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 405; Điều 406; Điều 463; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Trường L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tống Trường L phải nộp án phí là 16.061.600 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.519.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026185 ngày 24/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông L phải nộp số tiền án phí còn lại là 10.542.350 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 04/10/2018, nguyên đơn ông Tống Trường L nộp đơn kháng cáo nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là người kháng cáo ông Tống Trường L trình bày: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông L, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, y án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang M có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không có phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Tống Trường L trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tường V vắng mặt, tuy nhiên tại phiên tòa, bà T xác định tự mình tham gia phiên tòa, không cần sự có mặt của người đại diện theo ủy quyền; người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tường V, ông Trần Quang M.

[2.2] Người làm chứng ông Bùi Hữu Q, ông Trần Văn Đ vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên đã có bản tự khai, căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Tống Trường L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/09/2018 số nợ gốc là 200.770.000 đồng, lãi suất 20%/01 năm kể từ tháng 7/2016 đến 26/9/2018. Tổng yêu cầu là 321.232.000 đồng (trong đó nợ gốc là 200.770.000 đồng và nợ lãi là 120.462.000 đồng).

[3.1.1] Tại sao kê số tài khoản 0071002071953 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương (Vietcombank) của ông L và tài khoản số 0441003818315 của bà Nguyễn Thị Bích T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương (Vietcombank) cùng thể hiện có việc ông L chuyển tiền nhiều lần tổng cộng là 200.770.000 đồng với nội dung chuyển tiền ghi gồm: ngày 11/06/2016 ghi tiền đầu tư M5, ngày 20/6/2016 ghi Kịch pin 24 lan; tiền đầu tư M5: 11ma lan 1, ngày 21/6/2016 ghi ma M5 19.8tr và tien pin 1.98tr, ngày 22/6/2015 ghi tien M5, 3ma; ngày 24/06/2016 ghi tien dau tu M5, 5 ma: 33trieu và ngày 02/7/2016 ghi chuyen tien dau tu M5: 8 ma; ngày 30/7/2016 ghi chuyen tien mua 20 pin; ngày 09/8/2016 ghi tra tien Pin con thieu cho dau tu M5, mà không ghi là chuyển tiền cho vay.

[3.1.2] Tại phiên tòa cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông L không chứng minh được giữa ông và bà T đã ký hợp đồng cũng như thỏa thuận miệng về việc bà T vay tài sản của ông và việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên. Đồng thời bà T không thừa nhận việc vay mượn tiền như ông L trình bày, bà chỉ thừa nhận là ông L chuyển tiền để nhờ bà chuyển tiền cho các giao dịch mà ông L chơi sân chơi mạng luân chuyển sự giàu có (gọi tắt là M5).

[3.1.3] Từ các chứng cứ có trong hồ sơ và trong các biên bản hòa giải, đối chất cùng ý kiến người làm chứng Hội đồng xét xử xác định giữa ông Tống Trường L và bà Nguyễn Thị Bích T không có hợp đồng vay tài sản và có thỏa thuận về lãi suất 20% 01 năm như nguyên đơn ông L khởi kiện. Do đó xét về yêu cầu khởi kiện của ông Tống Trường L đối với bà T là quan hệ pháp luật đòi tài sản tuy nhiên ông L không yêu cầu đòi tài sản mà vẫn yêu cầu khởi kiện là hợp đồng vay tài sản, ông L cũng không chứng minh được mục đích chuyển tiền cho bà T để làm gì để tặng cho hay là chuyển tiền để nhờ bị đơn bà T thực hiện một việc khác. Do đó Hội đồng xét xử xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tống Trường L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T trả số tiền vay và lãi tổng là 321.232.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ*

thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

[3.1.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 347/2018/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tổng Trường L phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 91; Điều 147, Điều 148, Điều 229; Điều 293; Điều 296; Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Tổng Trường L trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tổng Trường L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 347/2018/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Tổng Trường L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm trả số tiền là 321.232.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tổng Trường L phải chịu án phí là 16.061.600 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.519.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026185 ngày 24/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L phải nộp số tiền án phí còn lại là 10.542.350 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tổng Trường L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0011982 ngày 15/10/2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền